

ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC VÀ PHONG TRÀO CANH TÂN GIÁO DỤC VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

ĐINH XUÂN LÂM^()*

1. Để đánh giá đúng giá trị to lớn và ý nghĩa đích thực của trường Đông Kinh Nghĩa Thực, trước hết cần đặt nó vào đúng bối cảnh lịch sử ra đời. Rõ ràng việc xuất hiện Đông Kinh Nghĩa Thực ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ trước bắt nguồn từ những điều kiện lịch sử nhất định. Dưới tác động của chương trình khai thác bóc lột thuộc địa thứ nhất (1897-1914) của tư bản Pháp được đẩy mạnh trên qui mô cả nước, với tốc độ nhanh, một cách hệ thống sau khi kết thúc chiến tranh chinh phục và bình định kéo dài gần trọn 40 năm (1858- 1896), Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đã biến đổi ngày càng rõ rệt trong cơ cấu kinh tế, kéo theo luôn những thay đổi sâu sắc về mặt xã hội. Chính sự biến đổi trong kinh tế và xã hội đã tạo cơ sở vật chất cần thiết để trào lưu tư tưởng mới - đây là tư tưởng tư sản từ ngoài dội vào Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ XX theo hai con đường Trung Hoa và Nhật Bản.

Đảm nhận vai trò tiếp nhận các trào lưu tư tưởng mới đó lại chính là bộ phận sĩ phu yêu nước có xu hướng tiến bộ. Những người này vốn xuất thân từ nhà trường Nho giáo, nhiều người đã

từng đỗ đạt, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền đều là cử nhân Hán học, v.v..., nhưng trên cơ sở một tinh thần yêu nước chân chính, họ đã sáng suốt nhận thấy sự phá sản của văn minh học thuật cũ, sự bất cập của Nho giáo trong công cuộc cứu nước, và hăng hái đứng ra tiếp nhận văn minh học thuật tư sản từ phương Tây tới, chính là vũ khí của kẻ thù đang chiếm đoạt đất nước mình, thống trị nhân dân mình. Đối với bộ phận sĩ phu yêu nước của Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX, việc phát triển văn hoá là điều kiện đầu tiên, có tính tất yếu để tiến lên giải phóng dân tộc. Có thể khẳng định đó là một chuyển biến có tính cách mạng về mặt tư tưởng trong bộ phận sĩ phu yêu nước tiến bộ hồi đó, một sự đổi mới tư duy hoàn toàn khác lối mòn suy nghĩ cũ, đây là sử dụng ngay vũ khí của kẻ thù để chiến thắng kẻ thù. Canh tân giáo dục lúc đó là biện pháp có tính tất yếu, thúc bách, là khâu đột phá mở đường cho các công việc sau, không làm không được.

Giai cấp phong kiến đã hết vai trò lịch sử với việc triều đình Huế ký Hiệp

(*) GS., NGND., Phó Chủ tịch Hội Sử học Việt Nam.

ước Patenôtre (6/6/1884). Từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, trong sự thay đổi phức tạp của hoàn cảnh lịch sử trong và ngoài nước, tầng lớp sĩ phu phong kiến nắm quyền lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn này dù có thuộc xu hướng bạo động hay cải cách cũng đều đại diện không nhiều thì ít cho ý thức hệ tư sản đang ngày càng phát triển. Mà cũng rõ ràng là có sự phân hoá thành hai xu hướng bạo động và cải cách là do mức độ chịu ảnh hưởng tư tưởng mới là tư tưởng tư sản nhiều hay ít, sâu hay nông, đậm hay nhạt do những điều kiện khách quan và chủ quan qui định, nhưng tất cả đều đặt trên một nền tảng chung vô cùng vững chắc là tinh thần yêu nước sắt đá, ý chí độc lập dân tộc kiên cường.

2. Phong trào canh tân giáo dục của Đông Kinh Nghĩa Thục thể hiện cụ thể trên hai mặt nội dung và phương pháp giáo dục.

Trước hết nói về nội dung. Chỉ cần căn cứ vào nội dung sách giáo khoa do chính ban Tu thư Đông Kinh Nghĩa Thục biên soạn để thấy rõ mục tiêu của nhà trường là chống sự thống trị của nước ngoài, hướng tới giải phóng dân tộc. Chỉ trong có mấy tháng mà ban đã soạn xong một số lớn sách giáo khoa, như *Quốc dân độc bản, Việt Nam quốc giai sự, Nam quốc vĩ nhân, Quốc văn giáo khoa thư, Luân lý giáo khoa thư, Việt Nam quốc sử lược, Nam quốc địa dư...* (1). Đặc biệt quan trọng là cuốn *Văn minh tân học sách* (1, tr.113-134) được biên soạn từ năm 1904, nghĩa là 3 năm trước khi Đông Kinh Nghĩa Thục được thành lập, có thể xem như là “Cương lĩnh hành động” của nhà trường. Trên cơ sở một tinh thần tự hào

dân tộc mạnh mẽ, phân tích các mặt mạnh và yếu của đất nước và nhân dân ta, có sự liên hệ so sánh với các nước trên thế giới, các sĩ phu yêu nước tiên bộ hồi đầu thế kỷ XX đã đi tới một kết luận dứt khoát: “Vậy thì sống ở đời nay mà muốn cầu cho văn minh, không thể không lo mở mang dân trí”. Và họ trầm trở suy nghĩ để “tìm kế mở mang dân trí giữa nghìn muôn khó khăn thì thấy có sáu đường”, tức là sáu phương châm. Trong số đó có 4 phương châm về giáo dục:

- Một là dùng văn tự nước nhà - đây là nói chữ Quốc ngữ, và xem đây như là “bước đầu tiên trong việc mở mang trí khôn vậy”.

- Hai là hiệu đính sách vở, cần chú trọng đến sách vở Việt Nam, vì những sách vở này “cung cấp đủ tài liệu về sơn xuyên, phong tục, văn vật, điển chương, lịch sử và để cho người sau mượn đó làm gương nữa”; tuyệt đối không đi vào con đường khảo chứng vụn vặt; trích dịch ra Quốc ngữ “những lời hay nét tốt của các hiền triết Đông, Tây xưa..., những điều có bổ ích cho nhân tâm, thế đạo”.

- Ba là sửa đổi phép thi, bỏ lối văn biền ngẫu cũ, chỉ thi Quốc ngữ và Toán pháp; khuyến khích tinh thần tự do thảo luận của học sinh, học sinh được “bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do”. Cốt sao cái học với cái thi không trái ngược với công việc thực tế sẽ phải làm về sau.

- Bốn là cổ vũ nhân tài, đưa các học sinh tốt nghiệp vào thử thách qua các công tác ở các bộ, viện; còn đối với những người không biết chữ Pháp thì giao cho những sách chuyên môn cho tự nghiên cứu và giúp nhau học hỏi (*Cải*

cách Công pháp, Tây sử, Luật lệ, Hội điển, Địa đồ, Toán học v.v...), đến khi sát hạch nếu trúng cách thì sử dụng (1, tr.122-128).

Chỉ điểm qua bốn phương châm trên, chúng ta đã thấy rõ tinh thần đổi mới quyết liệt, khá triệt để, có tính cách mạng của bộ phận sĩ phu tiến bộ nước ta đầu thế kỷ XX.

Phải đặt trong điều kiện lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX mới thấy rõ sự quyết tâm, tính dũng cảm, kể cả tính thực sự cầu thị của các sĩ phu tiến bộ. Riêng về phương châm 1, các cụ đã khẳng định tính tiện lợi của chữ Quốc ngữ “đánh vần theo lối hài thanh mà đọc ra tiếng ta, rất là giản dị, nhanh chóng, tưởng nên một loạt học theo” (1, tr. 123, 125). Những người vốn xuất thân từ trường học Nho giáo mà có một sự dứt khoát như vậy trong nhận định và hành động hướng theo cái mới vì thấy có lợi cho sự tiến hoá của dân tộc, thiết tưởng đó là một hành động yêu nước, thương dân đáng được trân trọng. Đã vậy, cũng qua hành động này, các cụ đã rũ bỏ được tính bảo thủ cố chấp cũ, sẵn sàng tiếp nhận cái mới, dù cho là của các giáo sĩ phương Tây mang tới. Đến phương châm 2, cũng với tinh thần đó, các cụ đã thấy rõ những hạn chế của giáo dục cũ trong nội dung và phương pháp nên kêu gọi việc học tập ngay các tinh hoa của văn hoá dân tộc, có sự chọn lọc tiếp thu tinh hoa văn hoá nước ngoài. Theo các cụ thì sách hay, sách quý nước nhà không phải không có, về Sử thì có *Khâm định Việt sử cương mục, Thực lục, Liệt truyện*; về Chí thì có *Nhất thống chí, Lịch triều chí, Địa dư chí, Gia Định chí, Đồ Bàn thành ký, Hưng Hoá thập lục châu ký,*

Nghệ An phong thổ thoại; về Chính trị-quân sự thì có *Công hạ kiến văn, Văn Đài loại ngữ, Phủ Man tạp lục...*, Còn sử Tàu, sử Tây thì không phải không đọc đến, mà “chỉ đọc qua cho biết đại lược”, “cần phải bỏ bớt những chỗ rườm rà để cho người đọc dễ hiểu là được rồi” (1, tr. 123, 125).

Phải nói là thái độ của các cụ hồi đó đã bộc lộ một sự can đảm đáng phục, khi mà âm mưu của Pháp là muốn Pháp hoá triệt để nền giáo dục Việt Nam, bắt dân ta chỉ học tiếng Pháp. Chính việc làm của các cụ không chỉ đã làm thất bại âm mưu đồng hoá giáo dục của Pháp, mà còn làm thất bại cả âm mưu đồng hoá dân tộc Việt Nam, những ai đã từng ngồi trên ghế nhà trường Pháp-Việt sao mà quên được câu “*Tổ tiên chúng ta là người Gaulois*” bị nhồi nhét vào đầu óc non trẻ của học sinh Việt Nam từ buổi đầu tới trường, để rồi càng lên các cấp trên chỉ học lịch sử nước Pháp, Pháp sử mặc nhiên thay thế Bắc sử (Trung Quốc), còn Việt sử chỉ còn lại một vài bài ca ngợi công ơn nước mẹ Đại Pháp!

Đến phương châm 3 đề cập tới việc sửa đổi phép thi lại càng tích cực hơn. Ngay từ đầu đã khẳng định là dù cho sách vở đều có hiệu đính rồi, mà phép thi còn chưa sửa đổi thì cũng đã chưa phải là tận thiện đâu! “Mạnh dạn bỏ lối văn biền ngẫu vô dụng cũ, chỉ thi Quốc ngữ và Toán pháp; khuyến khích tinh thần tự do thảo luận của học sinh, “đặt đề” mà hỏi, cho phép học trò bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do, không phải nề hà, “không cần thể cách gì hết”, cốt sao cái học và cái thi không trái ngược với công việc thực tế họ phải làm...” (1, tr.125, 127). Thiết tưởng đó là một sự

kết hợp chặt chẽ giữa phương châm học và làm mà chúng ta hiện nay đang cố gắng thực hiện, mà cũng chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Phương châm 4 là cổ vũ nhân tài, bằng cách đưa các học sinh tốt nghiệp vào thử thách qua các công tác ở các bộ, các viện. Có học thì phải có dùng, nếu không thì ai theo đuổi việc học làm gì?, đó là lẽ thường! Còn đối với những người không biết chữ Pháp thì giao cho những sách chuyên môn cho họ nghiên cứu - tất nhiên đây là những sách các môn học mới như *Công pháp, Tây sử, Luật lệ, Hội điển, Địa đồ, Toán học...* - để họ nghiên cứu cá nhân hay tổ, nhóm, để nâng cao hiểu biết, sau đó sẽ sát hạch bổ sung những ai trúng tuyển (1, tr.128).

Không ai có thể nghĩ rằng những sĩ phu Nho giáo vốn được đào tạo theo truyền thống áp đặt “thiên kinh địa nghĩa”, “Khổng Tử viết”... lại có thể nghĩ tới những cách dạy mới mẻ với cách phát huy tính độc lập suy nghĩ của học sinh và về việc sử dụng học sinh đúng chuyên môn sau khi ra trường, cũng như việc đào tạo lại những người “cựu giới” theo cái mới để sử dụng, những điều mà hiện nay nhà trường của ta cũng đang thực hiện chưa mấy kết quả.

Nói tóm lại, nếu điểm qua bốn phương châm giáo dục của Đông Kinh Nghĩa Thục được giới thiệu trong “*Văn minh tân học sách*”, phải công nhận tính tiến bộ cách mạng của chúng, thế mà chúng lại đều do những người từ “cựu giới” đề ra, điều đó chứng tỏ bộ phận sĩ phu đầu thế kỷ XX là những người nhiệt tình yêu nước, đi vào cái mới một cách triệt để, đầy quyết tâm

và tin tưởng. Họ là những trí thức dân tộc chân chính.

Các phương châm giáo dục được giới thiệu trên đã được vận dụng vào việc biên soạn sách giáo khoa, xây dựng chương trình giảng dạy. Chương trình của nhà trường dựa theo đường lối “tân học” của Trung Quốc và Nhật Bản, dạy *Cách trí, Toán pháp, Địa lý, Lịch sử, Văn chương, Công dân giáo dục*, kể cả *Thể thao thể dục*. Sách giáo khoa đối với các lớp trên có học sinh đã nhiều tuổi và đã thông chữ Hán - có người đã từng lều chõng đi thi - thì dùng ngay các “*Tân thư*” của Trung Quốc làm tài liệu giảng dạy. Còn đối với lớp học sinh nhỏ tuổi ở các lớp dưới thì nhà trường chủ động biên soạn một số sách chữ Hán và chữ Quốc ngữ làm tài liệu học tập và tuyên truyền cổ động ở ngoài. Quan trọng nhất là cuốn *Quốc dân độc bản* có thể xem như là một giáo trình về giáo dục công dân kết hợp với giáo dục tri thức phổ thông cho quốc dân, gắn với yêu cầu đổi mới của thời đại, chủ yếu nhấn mạnh về yêu cầu dân chủ, tự lực, tự cường”. Còn về địa lý, lịch sử thì có *Đại Việt địa dư, Nam quốc địa dư giáo khoa thư, Nam quốc vĩ nhân truyện, Nam quốc giai sự, Cải lương nông học quốc sử giáo khoa...* Lại còn sách *Luân lý giáo khoa thư*, môn Luân lý được xem là “tinh hoa của quốc thể, nguồn gốc của giáo dục” (1, tr.148). Còn phải kể tới các văn thơ yêu nước của Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Châu Trinh... Cuối cùng là các sách tham khảo gồm các tân thư, tân văn từ Trung Quốc sang, Nhật Bản tới. Đặc biệt là các sách khoa học, như *Toán pháp tu tri, Cách trí tu từ, Bác vật tân biên, Nông chính toàn thư, Quản khuy trắc lệ* (sách Thiên

văn)...

Nội dung chủ yếu các sách giáo khoa của Đông Kinh Nghĩa Thục nhằm một mặt đả phá những tư tưởng lạc hậu của đám sĩ phu thủ cựu, mặt khác kêu gọi học Quốc ngữ, khoa học kỹ thuật mới, chú trọng thực nghiệp, chấn hưng công thương nghiệp v.v..., nói tóm lại là những kiến thức mới mà học viên đang đòi hỏi vì vô cùng cần thiết cho đời sống trước mắt. Chính nhờ có một nội dung tích cực, đáp ứng đúng yêu cầu của người học mới được người học hồ hởi đón nhận, nên mới có cảnh tượng:

“Buổi diễn thuyết người đông như hội,

Kỳ bình văn khách đến như mưa”
(*Nam phong thiên vận ca*) (2, tr. 227).

Tất nhiên, ngoài nội dung học tập mới mẻ, thực tế, đầy sức hấp dẫn, còn có phương pháp truyền đạt tốt, giảng hay, ý sâu, những vị thầy ở đây không chỉ làm nhiệm vụ truyền đạt kiến thức một cách bình thường, mà đã mang vào công việc của mình tất cả nhiệt tình yêu nước, với tư cách một chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, nên sức thu hút, cảm hoá được nhân lên gấp bội. Đã vậy, để kích thích tinh thần ham học hỏi, tìm hiểu cái mới ở học viên, nhà trường còn tổ chức các cuộc diễn thuyết, bình văn, giảng văn, giảng báo, ngoại khoá, phụ khoá để tạo cơ hội cho học sinh phát huy tính chủ động đóng góp vào nội dung bài học được sâu hơn, được toàn diện hơn, qua sự phân tích, liên hệ, gắn liền nhà trường với cuộc sống bên ngoài.

3. Đánh giá chung, Đông Kinh Nghĩa Thục không đơn thuần chỉ là

một trường học. Thực chất đó là một tổ chức cách mạng do các sĩ phu yêu nước tiến bộ có xu hướng cải cách đổi mới tổ chức, có sự phối hợp với cuộc vận động cứu nước do Phan Bội Châu và hội Duy Tân phát động, tuy vẫn có phương hướng phát triển riêng, sở dĩ có sự phối hợp là vì cùng chung mục tiêu giải phóng dân tộc. Qua 9 tháng hoạt động (từ tháng 3 đến tháng 12 năm 1907), Đông Kinh Nghĩa Thục đã nuôi dưỡng được một phong trào cách mạng công khai, hợp pháp, khá sôi nổi, quyết liệt trong lĩnh vực đấu tranh về văn hoá và tư tưởng theo khuynh hướng dân chủ tư sản, chuẩn bị về tinh thần, về tư tưởng cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng dân tộc dân chủ trong thời đại mới.

Đông Kinh Nghĩa Thục đã đi đầu và có những thành tựu lớn về mặt văn hoá giáo dục, chính sự phát triển về văn hoá giáo dục này đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế tư sản dân tộc non trẻ phát triển. Mặc dù cuối cùng Đông Kinh Nghĩa Thục thất bại trước sự điên cuồng khủng bố của kẻ thù, tác dụng của nó rất sâu đậm trong nhân dân Việt Nam. Nó đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân ta hồi đó, bước đầu tấn công hệ tư tưởng phong kiến, mở đường cho tư tưởng tư sản tràn vào, trên cơ sở đó đã góp phần chuẩn bị về mặt tinh thần cho các phong trào đấu tranh rộng lớn sau đó. Những kinh nghiệm hoạt động phong phú và đa dạng của Đông Kinh Nghĩa Thục và của phong trào nghĩa thực ở các tỉnh ngoài Bắc cũng như ở miền Trung sẽ được các phong trào yêu nước ở giai đoạn sau kế thừa và phát huy, làm phong phú thêm về nội dung cũng như về phương pháp.

Hơn bao giờ hết, những bài học có tính cập nhật và hiệu quả của Đông Kinh Nghĩa Thục về tổ chức nhà trường, về xây dựng chương trình và biên soạn sách giáo khoa, về sự kết hợp chặt chẽ giữa nội dung giáo dục tiến bộ với phương pháp truyền đạt hấp dẫn, và trên hết là bài học về cái “tâm” của người thầy, về tính nhân văn cao quý của công tác giáo dục, tất cả vì mục tiêu cao quý phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng, vì sự nghiệp giải phóng con người, giải phóng dân tộc, lại càng cần được nghiên cứu vận dụng một cách nghiêm túc, có sáng tạo và nâng cao trong điều kiện lịch sử mới, tiến tới một

nền giáo dục tiên tiến, theo đúng phương châm “giáo dục là quốc sách hàng đầu” của Đảng và Nhà nước hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương Thâu. Đông Kinh nghĩa thực và phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỷ XX. H.: Văn hoá-Thông tin, 1997.
2. Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự. Lịch sử Việt Nam (1897-1914). H.: Xây dựng, 1957.